

Số: 63 /2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thủ trưởng các cơ quan,

đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&TCTHPL – BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TTĐH-VPUBND tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bé Mười

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp không điều chỉnh tại quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ).

2. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 (gọi tắt là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp) trên địa bàn tỉnh được đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (gọi tắt là đơn vị cung ứng).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả thực hiện các dịch vụ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành, kết hợp với mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước là các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật và các yêu cầu của cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ để đơn vị cung ứng dịch vụ phải đáp ứng.

3. Tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả đánh giá các tiêu chí cần đạt được khi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công đó bằng phương thức đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt”.

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp là số lượng môn học, môn đun hoặc tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo mà người học phải đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo tùy theo từng ngành, nghề và từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp.

5. Năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp là những kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng làm việc của cá nhân trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm trong giải quyết công việc tương ứng với trình độ và ngành, nghề đào tạo.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thống nhất quản lý hoạt động đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

**QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

Điều 5. Tiêu chí về chương trình, giáo trình đào tạo

1. Đảm bảo đủ chương trình, giáo trình đào tạo cho các ngành, nghề, trình độ đào tạo theo quy định.

2. Chương trình, giáo trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành, rà soát và cập nhật theo quy định.

Điều 6. Tiêu chí về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

1. Số lượng nhà giáo đáp ứng yêu cầu theo quy mô đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp theo ngành, nghề, trình độ đào tạo.

2. Cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Điều 7. Tiêu chí về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

1. Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và các khu vực phục vụ đào tạo khác bảo đảm yêu cầu chương trình đào tạo; quy mô và cơ cấu ngành, nghề đào tạo; các công trình phụ trợ, các quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ theo quy định.

2. Thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được quản lý, sử dụng hiệu quả; thực hiện theo dõi, kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

Điều 8. Tiêu chí về hoạt động đào tạo

Thực hiện theo quy định tại Chương III, Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 và các quy định, hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Tiêu chí về dịch vụ cho người học

Thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Chương IV, Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 và các quy định, hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Tiêu chí về hiệu quả đào tạo

1. Sau khi hoàn thành khóa học, người học đạt được khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực tương ứng với trình độ, ngành nghề đào tạo theo quy định.

2. Trên 80% người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp (nội dung này căn cứ kết quả của khóa đào tạo trước cùng ngành, nghề đào tạo để đánh giá).

Điều 11. Tiêu chí về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ cao đẳng là 60 tín chỉ và có thời gian học tập từ 2 đến 3 năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo ngành, nghề đào tạo nhưng phải đảm bảo tỷ lệ: Lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; thực hành từ 50% - 70%.

Điều 12. Tiêu chí về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ trung cấp là 35 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, 50 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và có thời gian học tập từ 1 đến 2 năm học tùy theo từng ngành, nghề đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo ngành, nghề đào tạo nhưng phải đảm bảo tỷ lệ: Lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; thực hành từ 55% - 75%.

Điều 13. Tiêu chí về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trung học nghề

Thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/ QH15 và các quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Tiêu chí về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ sơ cấp

1. Khối lượng học tập tối thiểu đối với bậc 1, 2 và 3 trình độ sơ cấp:

a) Bậc 1 - Sơ cấp I tối thiểu là 5 (năm) tín chỉ, với số mô - đun đào tạo tối thiểu là 3 (ba) mô - đun và thời gian thực học tối thiểu là 300 (ba trăm) giờ chuẩn đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

b) Bậc 2 - Sơ cấp II tối thiểu là 15 (mười lăm) tín chỉ, với số mô - đun đào tạo tối thiểu là 9 (chín) mô - đun đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

c) Bậc 3 - Sơ cấp III tối thiểu là 25 (hai mươi lăm) tín chỉ, với số mô - đun đào tạo tối thiểu là 15 (mười lăm) mô - đun đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

2. Khối lượng học tập lý thuyết và học tập thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: lý thuyết chiếm tối đa 25%; thực hành chiếm tối thiểu 75%.

Điều 15. Tiêu chí về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo dưới 03 tháng

1. Có thời gian thực học từ 100 giờ đến dưới 300 giờ và thời gian khóa học (từ khi khai giảng đến khi bế giảng) dưới 03 tháng.

2. Thời gian đào tạo được thực hiện theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo, gồm: thời gian thực học kiến thức nghề, kỹ năng mềm; thời gian thực học thực hành nghề; thời gian kiểm tra trước, trong quá trình đào tạo, kiểm tra kết thúc khóa học; trong đó thời gian thực học thực hành nghề tối thiểu chiếm 80% tổng thời gian khóa học.

Điều 16. Tiêu chí về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng

Trang bị cho người học năng lực thực hiện, giải quyết các công việc phức tạp, khó được dự báo trước của ngành, nghề; khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát người khác trong nhóm thực hiện công việc, cụ thể:

1. Kiến thức

a) Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản của ngành, nghề đào tạo.

b) Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

c) Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

d) Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo.

2. Kỹ năng

a) Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng.

b) Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo.

c) Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.

d) Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

a) Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

b) Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

c) Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

Điều 17. Tiêu chí về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp

Trang bị cho người học năng lực thực hiện, giải quyết các công việc phức tạp, được dự báo trước của ngành, nghề; khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, làm việc độc lập trong điều kiện việc làm thay đổi, làm việc theo nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn, cụ thể:

1. Kiến thức

a) Trình bày được kiến thức cơ bản của ngành, nghề đào tạo.

b) Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

c) Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Kỹ năng

a) Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin.

b) Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

c) Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

a) Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

b) Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.

c) Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

Điều 18. Tiêu chí về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trung học nghề

Hoàn thiện học vấn phổ thông, trang bị cho người học năng lực thực hiện, giải quyết được các công việc trong điều kiện ổn định và môi trường quen thuộc của ngành, nghề; khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm và năng lực khác có liên quan mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trung học nghề thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 và các quy định, hướng dẫn mới của cấp có thẩm quyền.

Điều 19. Tiêu chí về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ sơ cấp

Trang bị cho người học năng lực thực hiện, giải quyết các công việc cơ bản và được dự báo trước của một nghề; khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, cụ thể:

1. Kiến thức

a) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản về các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với từng công việc của nghề; áp dụng được một số kiến thức nhất định khi thực hiện công việc và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

b) Hiểu biết và có kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc, vị trí làm việc và nơi làm việc.

2. Kỹ năng: Làm được các công việc đơn giản hoặc công việc có tính lặp lại của một nghề và các kỹ năng cần thiết khác tương thích với nghề.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu; biết được yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với công việc ở các vị trí làm việc xung quanh hoặc công việc có liên quan; chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình.

Điều 20. Tiêu chí về năng lực mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo dưới 03 tháng

Trang bị cho người học năng lực thực hiện, giải quyết một hoặc một số công việc đơn giản của một nghề.

Điều 21. Tiêu chuẩn về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực của người học đối với từng ngành, nghề đào tạo

1. Đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề thì người học phải đáp ứng khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng ngành, nghề đào tạo theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp các ngành, nghề Trung ương chưa quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề thực hiện theo các quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Quy định này.

2. Đối với trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thì người học phải đáp ứng khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng ngành, nghề đào tạo thực hiện theo các quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 19, Điều 20 của Quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM TRA, NGHIỆM THU, THANH TOÁN KINH PHÍ ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 22. Cơ chế giám sát chất lượng cung cấp dịch vụ công

1. Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ có trách nhiệm giám sát chất lượng cung cấp dịch vụ công theo đúng các tiêu chí, tiêu chuẩn của Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng dịch vụ hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ có trách nhiệm yêu cầu đơn vị cung ứng dịch vụ kịp thời khắc phục,

xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và nội dung đã giao kết giữa các bên liên quan.

2. Cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng nhằm đánh giá chất lượng, hiệu quả để phục vụ yêu cầu quản lý.

Điều 23. Đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công

Việc đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được thực hiện dựa trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá của Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

1. Chất lượng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được đánh giá là đạt khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định như sau:

a) Đối với dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 16 và Khoản 1, Điều 21 của Quy định này.

b) Đối với dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 17 và Khoản 1, Điều 21 của Quy định này.

c) Đối với dịch vụ đào tạo trình độ trung học nghề: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 18 và Khoản 1, Điều 21 của Quy định này.

d) Đối với dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 14, Điều 19 và Khoản 2, Điều 21 của Quy định này.

đ) Đối với dịch vụ đào tạo dưới 03 tháng: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 15, Điều 20 và Khoản 2, Điều 21 của Quy định này.

2. Chất lượng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được đánh giá là không đạt khi không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Khoản 1 Điều này.

3. Việc đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được thực hiện khi đơn vị cung ứng hoàn thành công tác đào tạo (khi kết thúc khóa học).

Điều 24. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công

1. Trên cơ sở kết quả đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ theo quy định.

2. Chất lượng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được đánh giá đạt là một trong những cơ sở để thanh toán, quyết toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

3. Chất lượng dịch vụ là một trong các căn cứ để cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ xem xét, ưu tiên lựa chọn đơn vị cung ứng khi triển khai các dịch vụ tương tự theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 25. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm trong đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề

1. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm sau mỗi học kỳ (thời gian đào tạo của mỗi học kỳ là 05 tháng)

Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi học kỳ, đơn vị cung ứng tiến hành lập hồ sơ nghiệm thu và bàn giao cho cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện nghiệm thu sản phẩm; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bàn giao, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ phải hoàn thành nghiệm thu sản phẩm để làm căn cứ thanh quyết toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định. Hồ sơ nghiệm thu là 01 bộ, bao gồm:

a) Hồ sơ minh chứng về chương trình, giáo trình đào tạo; nhà giáo, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

b) Hồ sơ minh chứng về tổ chức quản lý đào tạo và kết quả đào tạo của đơn vị cung ứng như sau: danh sách người học đầu mỗi học kỳ; quyết định trúng tuyển nhập học (từ đầu khóa đào tạo); bảng kết quả học tập, rèn luyện của người học theo học kỳ; quyết định xóa tên (buộc thôi học) của người học (nếu có); biên bản bàn giao hồ sơ; biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm; biên bản nghiệm thu đặt hàng hoặc nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

2. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm đặt hàng, giao nhiệm vụ sau khi kết thúc khóa đào tạo

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, đơn vị cung ứng tiến hành lập hồ sơ nghiệm thu và bàn giao cho cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện nghiệm thu sản phẩm; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bàn giao, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ phải hoàn thành nghiệm thu sản phẩm toàn khóa. Hồ sơ nghiệm thu là 01 bộ, bao gồm:

a) Các hồ sơ của mỗi học kỳ theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1 Điều này.

b) Kết quả tốt nghiệp của người học (kèm theo danh sách).

c) Có giải pháp, phương án cụ thể về giải quyết việc làm, tạo việc làm cho từng người học sau học nghề.

Điều 26. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm trong đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, đơn vị cung ứng tiến hành lập hồ sơ nghiệm thu và bàn giao cho cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện nghiệm thu sản phẩm; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bàn giao, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ phải hoàn thành nghiệm thu sản phẩm của khóa đào tạo. Hồ sơ nghiệm thu là 01 bộ, bao gồm:

1. Hồ sơ minh chứng về chương trình, giáo trình đào tạo; nhà giáo, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

2. Hồ sơ minh chứng về tổ chức quản lý đào tạo và kết quả đào tạo của đơn vị cung ứng như sau: quyết định khai giảng lớp học (kèm theo danh sách); bảng kết quả học tập của người học (kèm theo danh sách); bảng điểm danh người học tham gia học nghề; quyết định công nhận tốt nghiệp (kèm theo danh sách); danh sách hiện trạng việc làm của người học sau học nghề; biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm; biên bản nghiệm thu đặt hàng hoặc nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

Điều 27. Phương thức thanh toán, quyết toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề

1. Theo chỉ tiêu, kinh phí được đặt hàng, giao nhiệm vụ của cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ và số người học đầu mỗi học kỳ của khóa đào tạo; đơn vị cung ứng thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Trường hợp người học nghỉ học hoặc nghỉ học tạm thời trong thời gian đào tạo của học kỳ được thanh toán kinh phí đào tạo đến thời điểm người học nghỉ học hoặc nghỉ học tạm thời trong học kỳ đó; chi phí sau khi người học nghỉ học hoặc nghỉ học tạm thời có quyết định xóa tên hoặc quyết định nghỉ học tạm thời sẽ được cắt giảm các nội dung chi liên quan đến cá nhân người học (bao gồm cả chi phí vật tư thực hành, thực tập); các chi phí chung không thay đổi.

3. Hình thức thanh toán: Theo quy định hiện hành.

Điều 28. Phương thức thanh toán, quyết toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

1. Đơn vị cung ứng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng sau khi được cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiệm thu và thống nhất khối lượng thực hiện thực tế (số người học tham gia học nghề), lập thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp người học nghỉ học hoặc nghỉ học tạm thời trong thời gian đào tạo của khóa đào tạo được thanh toán kinh phí đào tạo đến thời điểm người học nghỉ học hoặc nghỉ học tạm thời trong khóa đào tạo đó; chi phí sau khi người học nghỉ học hoặc nghỉ học tạm thời có quyết định xóa tên hoặc quyết định nghỉ học tạm thời sẽ được cắt giảm các nội dung chi liên quan đến cá nhân người học (bao gồm cả chi phí nguyên vật liệu, vật tư thực hành); các chi phí chung không thay đổi.

3. Hình thức thanh toán: Theo quy định hiện hành.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp kế hoạch đào tạo, kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, theo dõi và giám sát, đánh giá chất lượng thực hiện cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh.

4. Theo dõi, nắm bắt tình hình, tổng hợp thông tin và đánh giá hiện trạng việc làm của người học sau khi tốt nghiệp trong vòng 06 tháng do đơn vị cung ứng báo cáo để làm căn cứ đánh giá chất lượng dịch vụ và hiệu quả đào tạo.

5. Định kỳ hàng năm (trước ngày 30/12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng thời gửi Sở Tài chính) kết quả thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và thực hiện các báo cáo đột xuất có liên quan theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp kế hoạch đào tạo, đề xuất kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng hàng năm gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp và nghiệm thu, thanh toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên về thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, giao nhiệm vụ cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp.

4. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc đơn vị cung ứng triển khai cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp theo đúng chất lượng, khối lượng, tiến độ đã đề ra.

5. Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng thực hiện cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh theo quy định; căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ để xem xét, quyết định việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị cung ứng dịch vụ đảm bảo hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đánh giá về hiện trạng việc làm, giải quyết việc làm của người học sau khi tốt nghiệp trong vòng 06 tháng do đơn vị cung ứng báo cáo để làm căn cứ đánh giá chất lượng dịch vụ và hiệu quả đào tạo.

7. Định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) báo cáo kết quả thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước cho Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các báo cáo đột xuất có liên quan theo quy định.

Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị cung ứng

1. Hàng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí tuyển sinh, đào tạo; phối hợp tổ chức tuyển sinh theo các ngành nghề, quy mô, trình độ đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định và gửi hồ sơ đề nghị đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp về cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ để làm cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định đối với các ngành, nghề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá và giá dịch vụ đào tạo.

2. Tổ chức đào tạo đảm bảo đạt yêu cầu về chuẩn đầu ra, đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định của cấp có thẩm quyền và Quy định này.

3. Tổ chức cung ứng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện cung ứng.

4. Tăng cường phối hợp, gắn kết với các doanh nghiệp, đơn vị liên quan cùng tham gia tổ chức tư vấn tuyển sinh, đào tạo, xây dựng phát triển chương trình, giáo trình đào tạo, tổ chức thực hành thực tập cho người học tại doanh nghiệp, giám sát đánh giá chất lượng đầu ra; phối hợp tổ chức đào tạo theo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, thị trường lao động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo gắn với hiệu quả giải quyết việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Khảo sát, báo cáo hiện trạng việc làm, kết quả giải quyết việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo về cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ làm cơ sở để đánh giá chất lượng cung ứng dịch vụ theo quy định.

5. Lập và lưu giữ toàn bộ hồ sơ, sổ sách quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề, trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định.

6. Chủ động tiến hành rà soát số lượng, danh sách người học tham gia đào tạo mỗi học kỳ đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề; rà soát danh sách người học tham gia các khóa đào tạo đối với đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và gửi về cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ theo thời gian quy định để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí.

7. Thực hiện sản phẩm dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đảm bảo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ về chất lượng, kết quả đào tạo, hiệu quả đào tạo.

8. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

9. Chủ động nghiên cứu, phối hợp đề xuất với cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ trong việc thực hiện điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của Quy định này và các quy định mới của cấp có thẩm quyền.

10. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện các báo cáo đột xuất có liên quan theo quy định.